TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:12/2019/QĐ-PT	*Ninh Thuận, ngày 10 tháng 5 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
ĐÌNH CHỈ XÉT XỬ PHÚC THẨM VỤ ÁN HÔN NHÂN GIA ĐÌNH
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Sau khi xét xử sơ thẩm, Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 01/2019/HNGĐ-ST ngày 29/01/2019 của Toà án nhân dân huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận bị kháng cáo như sau:

a. Ngày 11/02/2019, nguyên đơn - bà Châu Thị D có đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm.

b. Ngày 13/02/2019, bị đơn – ông Kiều B có đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết lại bản án sơ thẩm.

XÉT THẤY:

Ngày 14/3/2019, tại biên bản ghi lời khai của Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước, ông Kiều B trình bày xin rút lại các yêu cầu kháng cáo.

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, ngày 09/5/2019, người kháng cáo Châu Thị D cũng có đơn rút toàn bộ kháng cáo theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 289 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 289 của Bộ luật tố tụng dân sự,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án hôn nhân và gia đình phúc thẩm thụ lý số 02/2019/TLPT-HNGĐ ngày 18/3/2019 về việc *"ly hôn, con chung và chia tài sản chung",* giữa:

- Nguyên đơn: bà Châu Thị D, sinh năm 1961
- Bị đơn: ông Kiều B, sinh năm 1953

Cùng địa chỉ: thôn T, xã P, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Kiều G, sinh ngày 02/7/2001.

Địa chỉ: thôn T, xã P, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận.

2. Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 01/2019/HNGĐ-ST ngày 29/01/2019 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án số 01/2019/QĐ-SCBSBA ngày 28/02/2019, của Toà án nhân dân huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định này.

3. Về án phí:

Ông Kiều B và bà Châu Thị D mỗi người phải chịu 50% mức án phí dân sự phúc thẩm.

- Ông Kiều B phải chịu 150.000đ *(Một trăm năm mươi ngàn đồng)* án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* đã nộp tạm ứng theo Biên lai số 0018037 ngày 13/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận.

Ông Kiều B đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Hoàn trả cho ông Kiều B 150.000đ *(Một trăm năm mươi ngàn đồng)* tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số 0018037 ngày 13/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận.

- Bà Châu Thị D phải chịu 150.000đ *(Một trăm năm mươi ngàn đồng)* án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* đã nộp tạm ứng theo Biên lai số 0018034 ngày 12/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận.

Bà Châu Thị D đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Hoàn trả cho bà Châu Thị D 150.000đ *(Một trăm năm mươi ngàn đồng)* tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số 0018034 ngày 12/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- Chi cục THA huyện Ninh Phước;
- TAND huyện Ninh Phước;
- Đương sự;
- Phòng KTNV-THA; Tổ HCTP;
- Lưu HS; AV.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Được

<u>Hướng dẫn sử dụng mẫu số 69-DS:</u>

(1) và (2) Ghi tên Toà án ra quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm. Nếu là Toà án nhân dân cấp tỉnh, thì cần ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) nào (ví dụ: Toà án nhân dân tỉnh Thanh Hoá); nếu là Tòa án nhân dân cấp cao thì cần ghi rõ Tòa án nhân dân cấp cao ở đâu (ví dụ: Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội).

(3) Ghi ngày, tháng, năm kháng cáo, tư cách đương sự trong tố tụng và họ tên người kháng cáo, nếu đương sự kháng cáo là cá nhân; nếu đương sự kháng cáo là cơ quan, tổ chức, thì ghi tên của cơ quan, tổ chức đó; nếu người kháng cáo là người được đương sự uỷ quyền, thì ghi họ tên của người được uỷ quyền và ghi rõ đại diện theo uỷ quyền của ai theo giấy uỷ quyền ngày…. tháng…..năm…. nào (ví dụ: Ông Nguyễn Văn A là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là Công ty TNHH B, theo giấy uỷ quyền số 01/2017/UQ ngày 10 tháng 3 năm 2017); nội dung kháng cáo. Nếu Viện kiểm sát kháng nghị thì ghi số, ngày, tháng, năm kháng nghị, tên Viện kiểm sát kháng nghị và nội dung kháng nghị. Nếu có cả kháng cáo, cả kháng nghị, thì ghi cả hai.

(4) Ghi cụ thể lý do của việc đình chỉ xét xử phúc thẩm thuộc trường hợp nào quy định tại Điều 289 của Bộ luật tố tụng dân sự (ví dụ: Người kháng cáo rút toàn bộ kháng cáo theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 289 của Bộ luật tố tụng dân sự).

(5) Ghi số ký hiệu thụ lý vụ án và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLPT-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2017).

(6) Ghi quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xác định tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại Điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: "tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân").

(7) Khi thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 289 của Bộ luật tố tụng dân sự, thì mới ghi mục 2 này.

(8) Quyết định xử lý tiền tạm ứng án phí phúc thẩm (nếu có).